

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN
LỚP CĐDD10

GV PHỤ TRÁCH: ThS. Phạm Văn Huân

Tín chỉ: 2

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình				ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			10%	10%	20%							
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2						
1	1610010001	Nguyễn Huỳnh Khả Ái	10.0	5.0	8.0	10.0	8.5	4.8	6.3	C	Trung bình	
2	1610010002	Phạm Thị Mỹ An	10.0	6.0	9.0	10.0	9.0	6.9	7.7	B	Khá	
3	1610010003	Quang Thị Thúy An	10.0	4.0	5.0	7.0	6.3	3.5	4.6	D	Trung bình yếu	
4	1610010004	Trần Thuận Anh	10.0	7.0	6.0	6.0	6.8	6.3	6.5	C	Trung bình	
5	1610010005	Quách Quang Âu	10.0	2.0	0.0	3.0	3.0	7.6	5.8	C	Trung bình	
6	1610010007	Nguyễn Thị Yên Đang	10.0	6.0	2.0	8.0	6.0	5.4	5.6	C	Trung bình	
7	1610010008	Trần Thanh Điền	10.0	6.0	4.0	8.0	6.7	5.3	5.9	C	Trung bình	
8	1610010009	Phạm Thị Hồng Gấm	10.0	4.0	5.0	9.0	7.0	5.9	6.3	C	Trung bình	
9	1610010010	Trần Thị Ngọc Hân	10.0	6.0	7.0	9.0	8.0	5.8	6.7	C	Trung bình	
10	1610010011	Lê Nhật Hào	10.0	2.0	3.0	2.0	3.7	5.4	4.7	D	Trung bình yếu	
11	1610010012	Nguyễn Chúc Hào	10.0	7.0	7.0	8.0	7.8	7.3	7.5	B	Khá	
12	1610010013	Thái Thảo Hiếu	10.0	2.0	2.0	3.0	3.7	4.0	3.9	F	Kém	
13	1610010014	Thái Hữu Kiện	10.0	7.0	6.0	8.0	7.5	6.4	6.8	C	Trung bình	
14	1610010015	Lâm Mỹ Kiều	10.0	3.0	2.0	3.0	3.8	5.6	4.9	D	Trung bình yếu	
15	1610010016	Nguyễn Văn Kỳ	10.0	5.0	4.0	5.0	5.5	5.0	5.2	D	Trung bình yếu	
16	1610010017	Nguyễn Chí Linh	10.0	7.0	2.0	8.0	6.2	5.0	5.5	C	Trung bình	
17	1610010018	Trần Nhật Linh	10.0	6.0	5.0	5.0	6.0	5.0	5.4	D	Trung bình yếu	
18	1610010019	Thị Cẩm Loan	10.0	5.0	6.0	8.0	7.2	5.6	6.2	C	Trung bình	
19	1610010020	Trần Thị Hồng Lua	10.0	9.0	8.0	9.0	8.8	8.4	8.6	A	Khá	
20	1610010021	Sơn Thạch Ánh Minh	10.0	3.0	3.0	4.0	4.5	4.9	4.7	D	Trung bình yếu	
21	1610010022	Đặng Thị Kiều My	10.0	8.0	5.0	9.0	7.7	8.0	7.9	B	Khá	
22	1610010023	Lê Kim Ngân	10.0	2.0	3.0	2.0	3.7	5.4	4.7	D	Trung bình yếu	
23	1610010024	Trần Phụng Nghi	10.0	7.0	4.0	7.0	6.5	2.8	4.3	D	Trung bình yếu	
24	1610010025	Nguyễn Thị Ngọc Ngoan	10.0	4.0	4.0	8.0	6.3	4.4	5.2	D	Trung bình yếu	
25	1610010026	Nguyễn Hồ Thảo Nguyên	10.0	4.0	2.0	7.0	5.3	2.9	3.9	F	Kém	
26	1610010027	Châu Kim Nhiên	10.0	3.0	2.0	7.0	5.2	5.4	5.3	D	Trung bình yếu	
27	1610010028	Nguyễn Cẩm Như	10.0	9.0	9.0	10.0	9.5	7.8	8.5	A	Giỏi	
28	1610010029	Huỳnh Trúc Phương	10.0	7.0	5.0	7.0	6.8	6.4	6.6	C	Trung bình	
29	1610010030	Huỳnh Tố Uyên	10.0	2.0	4.0	2.0	4.0	6.1	5.3	D	Trung bình yếu	
30	1610010031	Mã Thanh Sang	10.0	1.0	5.0	2.0	4.2	6.1	5.3	D	Trung bình yếu	
31	1610010032	Nguyễn Mạnh Chúc Thi	10.0	1.0	2.0	2.0	3.2	3.5	3.4	F	Kém	
32	1610010033	Nguyễn Trọng Thoại	10.0	1.0	2.0	2.0	3.2	3.1	3.1	F	Kém	
33	1610010034	Trần Văn Thống	10.0	2.0	2.0	3.0	3.7	6.0	5.1	D	Trung bình yếu	
34	1610010035	Lý Anh Thư	10.0	2.0	2.0	3.0	3.7	5.1	4.5	D	Trung bình yếu	
35	1610010036	Chung Thị Diễm Thúy	10.0	8.0	2.0	6.0	5.7	3.8	4.6	D	Trung bình yếu	
36	1610010037	Trương Thị Tiên	10.0	5.0	9.0	10.0	8.8	6.9	7.7	B	Khá	

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình				ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			10%	10%	20%							
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2						
37	1610010038	Võ Văn Toàn	10.0	2.0	5.0	4.0	5.0	3.8	4.3	D	Trung bình yếu	
38	1610010039	Hiệu Thị Phương Trâm	10.0	8.0	4.0	8.0	7.0	6.3	6.6	C	Trung bình	
39	1610010040	Trần Thị Huyền Trân	10.0	3.0	5.0	7.0	6.2	6.3	6.3	C	Trung bình	
40	1610010041	Trần Thị Thùy Trang	10.0	9.0	9.0	10.0	9.5	8.8	9.1	A	Khá	
41	1610010042	Huỳnh Ngọc Tuyền	10.0	4.0	8.0	6.0	7.0	6.4	6.6	C	Trung bình	
42	1610010043	Lê Thị Phương Uyên	10.0	7.0	5.0	7.0	6.8	8.4	7.8	B	Khá	
43	1610010044	Trương Thị Y	10.0	3.0	2.0	7.0	5.2	5.5	5.4	D	Trung bình yếu	
44	1610010045	Quách Hồng Ngân	10.0	7.0	6.0	8.0	7.5	3.9	5.3	D	Trung bình yếu	

Ghi chú: Danh sách này có 40 sinh viên; đạt yêu cầu: 40, không đạt yêu cầu: 4

Xếp loại học tập: Giỏi: 1 Khá: 7 Trung bình 14 TB y: 18 Kém: 4

Điểm tổng kết = (Trung bình kiểm tra * 4 + Trung bình thi * 6)/10

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 12 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

GV PHỤ TRÁCH

LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng

Phạm Văn Huân

Huỳnh Điền Côn